

CHƯƠNG TRÌNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**Thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị
về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của
Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác,
sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

Thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là Kết luận số 115-KL/TW và Nghị quyết số 39-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, cụ thể như sau:

I- TÌNH HÌNH CHUNG

Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh đã được nâng lên, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững, tiến bộ, công bằng xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, quốc phòng, an ninh được đảm bảo. Quy mô giáo dục - đào tạo, mạng lưới trường lớp học cơ bản phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và tập trung nâng cao dân trí, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực cho tỉnh. Đối với nguồn vật lực, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, bảo đảm các nguồn tài nguyên được khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hơn. Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính công để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm, có tính kết nối vùng. Phát triển tín dụng ngân hàng để thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển theo chính sách của Trung ương và của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế như: Hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế còn thấp; sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương và các doanh nghiệp còn yếu, tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực thiếu tính bền vững, chủ yếu dựa vào nguồn đầu tư; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, chưa huy động được nguồn lực xã hội hóa, chưa có nhiều công trình khoa học có quy mô lớn mang tính đột phá, thúc đẩy sự phát triển các ngành, lĩnh vực. Kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, hạ tầng chuyển đổi số... chưa

được đầu tư đồng bộ, hiện đại do đó chưa khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn còn thấp; giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, việc huy động nguồn lực của khu vực tư nhân cho đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu còn thấp. Công tác quản lý nguồn lực tài nguyên thiên nhiên còn nhiều hạn chế, gây tình trạng lãng phí, sử dụng chưa hiệu quả.

Nguyên nhân của những hạn chế do Hà Giang có xuất phát điểm thấp, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, ngân sách chủ yếu phụ thuộc vào Trung ương, tỷ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí không đồng đều, thường xuyên xảy ra thiên tai ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản và đời sống người dân. Một số quy định của pháp luật và cơ chế, chính sách của Trung ương liên quan đến quản lý, sử dụng các nguồn lực còn thiếu đồng bộ và chồng chéo; quá trình triển khai, áp dụng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập. Nhận thức và ý thức trách nhiệm trong quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên địa bàn tỉnh của một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, toàn diện; trình độ năng lực của một phần đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế chưa thực sự chung tay, vào cuộc cùng hệ thống chính trị trong bảo vệ, xây dựng và phát triển nguồn lực của tỉnh.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước về phát triển kinh tế, có sự vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn trên địa bàn tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh.

2. Đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn lực của tỉnh không để xảy ra thất thoát, lãng phí; đáp ứng yêu cầu hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phần đầu xây dựng tỉnh Hà Giang là tỉnh phát triển trung bình khá của cả nước, theo hướng xanh, bản sắc, bền vững và toàn diện; giữ vị trí quan trọng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ về phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, du lịch và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với nguồn nhân lực

a) Đến năm 2030: Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp dưới 50% tổng số lao động toàn tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, trong đó qua đào tạo có chứng chỉ sơ cấp trở lên đạt 30%.

b) Đến năm 2035: Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp dưới 46% tổng số lao động toàn tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó qua đào tạo có chứng chỉ sơ cấp trở lên đạt 35%.

c) Đến năm 2045: Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp dưới 38% tổng số lao động toàn tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó qua đào tạo có chứng chỉ sơ cấp trở lên đạt 45%.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đến năm 2030: Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính chính quy, hiện đại trên địa bàn toàn tỉnh. Hình thành một số khu khai thác, chế biến khoáng sản tập trung, có giá trị gia tăng cao, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh quốc phòng. Xây dựng mạng lưới trạm quan trắc môi trường tự động; hoàn thành đánh giá, thăm dò tiềm năng nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh, xây dựng cơ sở dữ liệu tiếp nhận quan trắc tự động để quản lý việc khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%.

Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung vốn ngân sách đầu tư các dự án hạ tầng lớn, có sức lan tỏa. Hoàn thành đầu tư giai đoạn 2 tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang, kết nối đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị và mở rộng không gian đô thị theo quy hoạch được duyệt. Xây dựng thành phố Hà Giang là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại II.

b) Đến năm 2035: Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo mô hình tập trung, thống nhất, phục vụ đa mục tiêu. Triển khai lập kế hoạch chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt, suy thoái các nguồn nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành việc điều tra, đánh giá hoạt động khai thác tài nguyên nước, khoáng sản phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của luật. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%.

Đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi đến các địa bàn trong toàn tỉnh và khu vực Trung du và miền núi Bắc bộ. Phấn đấu đưa thị trấn Việt Quang từ đô thị loại IV lên đô thị loại III; phấn đấu công nhận mới 02 đô thị loại V (xã Mậu Duệ, xã Minh Ngọc huyện Yên Minh).

c) Đến năm 2045: Thực hiện tốt tính chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%.

Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt với khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ. Các đô thị đã được công nhận tiếp tục đầu tư hoàn thành tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị.

2.3. Đối với nguồn tài lực

a) Đến năm 2030: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đảm bảo trên 25% chi cân đối ngân sách địa phương; Thu nội địa chiếm trên 90% tổng thu, trong đó thu từ khu vực ngoài quốc doanh chiếm khoảng 60-65% thu nội địa. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm khoảng 30% tổng chi ngân sách địa phương. Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước; hoàn thành di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt. Bảo đảm cân đối nguồn vốn; mở rộng quy mô đầu tư tín dụng gấp 1,5 lần so với năm 2025; tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%/tổng đầu tư tín dụng.

b) Đến năm 2035: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đảm bảo trên 30% chi cân đối ngân sách địa phương; thu từ khai thác tài sản công chiếm khoảng 5% tổng thu nội địa. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm khoảng 35% tổng chi ngân sách địa phương. Bảo đảm cân đối nguồn vốn; mở rộng quy mô đầu tư tín dụng gấp 1,5 lần so với năm 2030; tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%/tổng đầu tư tín dụng.

c) Đến năm 2045: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến đảm bảo khoảng 35% chi cân đối ngân sách địa phương; thu từ đất đai và khai thác tài sản công chiếm khoảng 10% tổng thu nội địa. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm khoảng 40% tổng chi ngân sách địa phương. Mở rộng quy mô đầu tư tín dụng gấp 1,5 lần so với năm 2035; tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%/tổng đầu tư tín dụng.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách, quy định mới; tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các luật, pháp lệnh đã được ban hành để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với sự phát triển kinh tế của Tỉnh; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực đầu tư. Cải cách tối đa thủ tục hành chính, triệt để phân cấp, phân quyền gắn với chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”.

1.2. Nghiêm túc thực hiện tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả có bộ máy quản lý nhà nước. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế.

1.3. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển từng ngành, lĩnh vực trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích,

đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực. Đặc biệt là đổi mới công tác xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, lấy quy hoạch làm công cụ chủ yếu để huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả.

1.4. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm kê, đánh giá, cập nhật đầy đủ, thực chất các nguồn lực của nền kinh tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn lực, bao gồm cả nguồn lực vật chất và phi vật chất, nguồn lực truyền thống và hiện đại, liên thông, số hóa làm cơ sở tin cậy cho hoạch định chiến lược, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

1.5. Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề như quy hoạch treo, dự án vướng mắc thủ tục, đất công không sử dụng, tài sản từ các vụ án, vụ việc tồn đọng dẫn đến nguồn lực chậm đưa vào sử dụng, bị lãng phí.

1.6. Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; định hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể vào một số ngành, lĩnh vực, địa bàn để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với các nguồn lực truyền thống

2.1. Đối với nguồn nhân lực

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

b) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đối với việc thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục đào tạo các cấp, đảm bảo công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tăng cường sử dụng các nền tảng dạy và học trực tuyến. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; thực hiện chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh, sinh viên. Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho các ngành,

lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên và người lao động (đặc biệt là người lao động trong lĩnh vực du lịch) trên địa bàn tỉnh.

c) Tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tập trung, đồng bộ theo nghề đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng giảm đầu mỗi, tăng quy mô, nâng cao chất lượng; đẩy mạnh giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng và nâng cao chất lượng nghề trọng điểm cấp tỉnh. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng xã hội hoá. Gắn đào tạo nghề với phát triển các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp, hướng tới xã hội hóa đào tạo một số ngành nghề.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm. Tổ chức điều tra, rà soát nhu cầu học nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp, thường xuyên cập nhật thông tin về cung - cầu lao động, tăng tần suất tổ chức các sàn giao dịch việc làm, các Hội chợ việc làm, ngày hội việc làm, tuyển sinh; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong tư vấn, đào tạo lao động.

đ) Triển khai thực hiện tốt chính sách tiền lương; tăng cường cơ chế thỏa thuận về tiền lương; thực hiện trả lương đúng với giá trị sức lao động để tiền lương trở thành động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, động viên người lao động cống hiến và phát huy khả năng sáng tạo. Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính, điều kiện làm việc, nhà ở để thu hút nhân lực chất lượng cao.

e) Chú trọng triển khai hiệu quả các chính sách nhằm nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tầm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Nâng cao chất lượng quy hoạch đất đai, gắn quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ để quản lý, quy hoạch các khu, cụm công nghiệp của tỉnh... Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính toàn tỉnh đưa vào vận hành. Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hà Giang, đảm bảo thực thi nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo lập và phát triển quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Tập trung kiểm tra, rà soát, xử lý dứt điểm những trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa đất vào sử dụng, không sử dụng, sử dụng lãng phí, đầu cơ đất hoặc sử dụng sai mục đích, trái pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác điều tra đánh giá, thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Khoáng sản, của Chính phủ về việc quy hoạch điều

tra cơ bản địa chất về khoáng sản, làm cơ sở lập quy hoạch, quản lý và cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản. Đánh giá toàn diện về công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản, loại bỏ công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; xây dựng phương án đầu tư, đổi mới công nghệ nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn khoáng sản của tỉnh. Tăng cường quản lý, giám sát việc khai thác tài nguyên khoáng sản, tránh thất thoát, lãng phí. Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ xanh, sạch. Thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất và đời sống.

- Hoàn thành đánh giá tiềm năng nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh Hà Giang: Xác định được số lượng, chất lượng nguồn tài nguyên nước mặt, nước ngầm; xác định và khoanh vùng được các khu vực có triển vọng khai thác nước mặt, nước ngầm phục vụ khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; đề xuất giải pháp khai thác sử dụng, bảo vệ nguồn nước mặt, nước ngầm để phòng ngừa sự cố cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; phục vụ công tác quản lý, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước tỉnh Hà Giang.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; gắn mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng với hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho người dân. Đẩy mạnh xã hội hoá, có cơ chế, khuyến khích, tạo thuận lợi cho người dân và các thành phần kinh tế cùng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình số 61-CTr/TU, ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 72-KL/TW, ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trọng tâm là phát triển hạ tầng giao thông thông suốt gắn kết chặt chẽ với mạng lưới giao thông quốc gia, quốc tế. Tập trung hoàn thành đầu tư tuyến đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) và tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh giai đoạn 2 từ Tân Quang đến cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy.

- Phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng đô thị, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai. Mở rộng phạm vi, ranh giới các đô thị hiện hữu chưa đảm bảo tiêu chuẩn diện tích. Thúc đẩy quá trình đô thị hóa nhanh, hiệu quả, có chất lượng cao và bền vững hơn.

- Tập trung đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy trở thành một trung tâm kinh tế động lực chủ đạo của tỉnh; phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, có khả năng gắn kết với các địa phương trên hành lang kinh tế

Hà Giang - Tuyên Quang - Hà Nội tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch quan trọng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Hà Nội và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng.

2.3. Đối với nguồn tài lực

a) Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công; tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở các ngành, các cấp. Tăng cường công tác phân tích, đánh giá kịp thời các cơ sở, những yếu tố tác động đến nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tập trung khai thác và nuôi dưỡng các nguồn thu trong lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh như dịch vụ, du lịch. Quản lý chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Giảm tỷ trọng chi thường xuyên để tăng tỷ trọng cho chi đầu tư phát triển, song vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên do trung ương và tỉnh ban hành, đặc biệt các chính sách an sinh xã hội.

b) Khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác, tăng cường các hình thức hợp tác công - tư; tăng cường công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục; phát triển kinh tế tư nhân. Tiếp tục thu hút nguồn vốn ODA để có thêm nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

c) Tiếp tục tăng cường vai trò quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng trên địa bàn. Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, bảo đảm đúng, trúng mục tiêu, tập trung vào sản xuất kinh doanh, lĩnh vực về: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển du lịch; phát triển hạ tầng đô thị; hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo...

d) Tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, các khó khăn vướng mắc trong hoạt động đầu tư kinh doanh, khuyến khích đầu tư của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân, các doanh nghiệp lớn, có tác động và đóng góp lớn đối với phát triển kinh tế của tỉnh. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

3. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với các nguồn lực mới, tạo đột phá cho phát triển

3.1. Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết

số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số. Khuyến khích triển khai dự án công nghệ cao, dự án chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh, như: phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, an toàn; công nghiệp chế biến; du lịch...

c) Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số; triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực. Phát triển hạ tầng số đáp ứng nhu cầu phát triển, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, thông suốt. Mở rộng hợp tác trong hoạt động nghiên cứu, đào tạo để đẩy mạnh phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên

a) Quan tâm, chú trọng trong công tác giữ gìn, phát huy các nét văn hóa truyền thống, lịch sử tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, khai thác hiệu quả hệ thống cảnh quan thiên nhiên để phát triển các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng, riêng biệt của Tỉnh. Thông qua ẩm thực, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa của các dân tộc để tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch; tôn vinh sự độc đáo, đặc sắc của văn hóa bản địa trong các sản phẩm du lịch. Bên cạnh đó tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 01/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Nghiên cứu, phát triển thêm các loại hình du lịch mới như du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm... để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về địa chất, địa mạo và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh.

3.3. Nguồn lực thương hiệu, sản phẩm đặc trưng

a) Tiếp tục triển khai cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng chú trọng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đặc trưng, đặc hữu, có lợi thế của tỉnh. Đẩy mạnh thâm canh, áp dụng cơ giới hóa, chuyển dịch cơ cấu cây trồng để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao năng suất, chất lượng; tập trung sản xuất, xây dựng thương hiệu, phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng có tiềm năng trở thành hàng hóa. Hình thành các vùng liên kết sản xuất nông nghiệp giữa các xã, các huyện, thống nhất chung một quy trình, tiêu chuẩn sản xuất. Thúc đẩy sản xuất sản phẩm nông nghiệp đặc trưng hàng hóa theo các hình thức hợp tác và liên kết, đồng thời được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn mới VietGap, GlobalGap, hữu cơ; 100% sản phẩm nông nghiệp đặc trưng hàng hóa được chứng nhận chỉ dẫn địa lý và bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa.

b) Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, xanh và bền vững. Xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch Hà Giang thành điểm đến văn hóa hàng đầu thế giới, hấp dẫn, uy tín và mang đậm dấu ấn riêng biệt. Phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn thành khu du lịch quốc gia; xây dựng thành phố Hà Giang thành trung tâm du lịch kết nối của tỉnh. Gắn kết phát triển du lịch với xây dựng thương hiệu chuỗi nông sản đặc sản của tỉnh phục vụ du khách.

c) Phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có nguồn gốc từ nguyên liệu tự nhiên gắn với quá trình sản xuất xanh, bền vững, gia tăng giá trị cho các sản phẩm làng nghề; đầu tư nghiên cứu, thay đổi thiết kế, mẫu mã sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ độc đáo, khai thác các yếu tố bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tăng cường liên kết giữa các làng nghề thủ công, kết hợp các nguyên liệu, vật liệu tạo ra các sản phẩm mới, có tính nghệ thuật, khả năng sử dụng cao, mẫu mã phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 115-KL/TW và Chương trình này.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền đồng thời, chỉ đạo, định hướng, phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền, phổ biến nội dung Kết luận số 115-KL/TW và Chương trình này tới toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này. Kịp thời tham mưu xây dựng cơ chế, chính, đảm bảo quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban chính sách, chiến lược Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- Lãnh đạo, chuyên viên VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Thào Hồng Sơn